

Bản án số:134/2021/DS-PT  
Ngày:18/10/2021  
V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Liên

*Các Thẩm phán:*

1. Ông Trần Tuấn Quốc
2. Ông Nguyễn Văn Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Phong Lan – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Hồng Phil - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/TBTL-TA, ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2021/QĐXX-PT ngày 24 tháng 6 năm 2021; Quyết định số: 104/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 9 năm 2021 về việc dời ngày xét xử, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Bạch Hồng N**, sinh năm: 1985; Địa chỉ: khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp có: Ông **Nguyễn Tùng L**, sinh năm: 1968, theo giấy ủy quyền lập ngày 20/5/2019; Địa chỉ: ấp T xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.(Có mặt)

2. Bi đơn: Ông **Lý Văn T (L)**, sinh năm: 1975; Địa chỉ: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (Có mặt)

3. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn có: Luật sư **Nguyễn Thái T**, Văn phòng luật sư C thuộc Đoàn luật sư Thành phố Cần Thơ (Có mặt)

#### 4. Người làm chứng:

- Ông **NLC1**, sinh năm: 1972; Địa chỉ: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (Xin xét xử vắng mặt)

- Ông **NLC2**, sinh năm: 1966; Địa chỉ: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. (Xin xét xử vắng mặt)

- Bà **NLC3**, sinh năm: 1983; Địa chỉ: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (Có mặt)

#### 5. Người kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có đơn kháng cáo

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm,*

*Đại diện cho nguyên đơn ông Nguyễn Tùng L trình bày:*

Vào ngày 24/9/2016, ông Lý Văn T có đến hỏi vay tiền của ông NLC2 (cha bà Bạch Hồng N) để làm vốn kinh doanh lúa gạo nhưng do ông NLC1 không có tiền nên giới thiệu ông T gặp bà N để vay. Sau khi thương lượng, bà N đồng ý thỏa thuận cho ông T vay số tiền 740.000.000 đồng, lãi suất 1,8%/tháng, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản.

Ngày 26/9/2016, bà N đến Ngân hàng Sacombank – Phòng giao dịch T thực hiện giao dịch chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của ông Lý Văn T tổng số tiền 740.000.000 đồng; 03 tháng sau, bà N đến gặp ông T để yêu cầu tiền lãi nhưng ông T lại cho rằng số tiền đó là của ông NLC1 (chú ruột bà N) vay để hùn hạp làm ăn mua bán lúa gạo với ông T. Giữa ông T và ông P hùn hạp làm ăn với nhau như thế nào bà N không biết, sau đó ông T có làm đơn thưa ông P ra cơ quan cảnh sát điều tra cho rằng ông P lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Đến tháng 01/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra kết luận vụ việc tranh chấp giữa ông T và ông P không có dấu hiệu hình sự mà là tranh chấp dân sự và hướng dẫn ông T khởi kiện tranh chấp với ông P ra Tòa án dân sự. Do phải đợi vụ việc tranh chấp giữa ông T và ông P tại cơ quan Cảnh sát điều tra kéo dài từ năm 2017 đến tháng 01/2019 mới xong nên đến tháng 5/2019 bà N mới làm đơn khởi kiện ông T được.

Nay bà Bạch Hồng N yêu cầu ông Lý Văn T phải có trách nhiệm thanh toán số tiền vay: nợ gốc là 740.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 1,125%/tháng, tạm tính từ ngày nhận tiền là 26/9/2016 đến 26/6/2020 là 45 tháng, thành tiền là 374.625.000 đồng, đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ.

*Đại diện cho bị đơn ông Nguyễn Thái T trình bày:*

Ông Lý Văn T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi vì ông T không có hỏi vay tiền của bà Bạch Hồng N. Vào ngày 26/9/2016, ông T có nhận được số tiền 740.000.000 đồng gửi vào tài khoản ngân hàng cá nhân của ông T nhưng đây không phải tiền ông T hỏi vay bà N mà đây là tiền của ông P. Giữa ông T và ông P là bạn bè với nhau, có hùn hạp làm ăn mua bán lúa gạo. Bà N chi nộp tiền thay cho ông P vào tài khoản của ông T.

*Người làm chứng ông NLC1 trình bày:*

Ông là chú ruột của bà Bạch Hồng N. Ông P xác định số tiền 740.000.000 đồng là tiền bà N cho ông T vay chứ không phải là tiền bà N nộp thay cho ông P như phía bị đơn trình bày, bởi vì ông P cũng có tài khoản ngân hàng nếu như ông P vay tiền của bà N thì bà N chuyển thẳng vào tài khoản của ông P chứ không cần thiết phải chuyển cho ông T nhận thay rồi ông T chuyển lại cho ông P. Về việc tranh chấp hợp đồng hùn vốn giữa ông P và ông T sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác, không liên quan đến bà N.

*Người làm chứng bà NLC3 trình bày:*

Bà là vợ của ông Lý Văn T. Quá trình ông T hùn vốn mua bán lúa gạo với ông P thì bà có tự theo dõi ghi nhận trong cuốn sổ (quyển tập). Trong đó, bà NLC3 có ghi nội dung: “anh P mượn tiền anh ba NLC2 740.000 đồng”. Do bà viết tắt nên số tiền 740.000.000 đồng bà chỉ ghi là “740.000”. Anh ba NLC2 họ tên đầy đủ là NLC2 – là cha của bà Bạch Hồng N. Nội dung để chứng minh rằng số tiền 740.000.000 đồng là của ông P mượn bà N chứ không phải ông T mượn.

*Người làm chứng ông NLC2 trình bày:*

Vào năm 2016, ông Lý Văn T có đến hỏi ông vay tiền để kinh doanh lúa gạo, do ông không có tiền nên ông mới giới thiệu ông T gặp bà Bạch Hồng N (con ông NLC2) để vay, sau đó việc giao dịch vay tiền giữa bà N và ông T cụ thể như thế nào thì ông không biết. Sau này ông có nghe bà N nói lại là cho ông T vay 740.000.000 đồng, chưa trả vốn lãi gì cả.

Đối với việc bà NLC3 xuất trình cuốn sổ theo dõi quá trình làm ăn hùn vốn với ông NLC1 thì ông không biết như thế nào, chữ viết và các con số trong cuốn sổ có dấu hiệu chỉnh sửa, không phù hợp thực tế và không có nghĩa. Tóm lại, ông NLC2 cho rằng ông không có liên quan gì trong vụ án tranh chấp này nên xin được vắng mặt trong các lần Tòa án xét xử.

Tại Bản án sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận T đã tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Lý Văn T phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Bạch Hồng N số tiền nợ gốc là 740.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bị đơn chậm trả đối với số tiền trên thì hàng tháng bị đơn phải chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Không chấp nhận việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi 299.700.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm,

Ngày 26/3/2021 bị đơn ông Lý Văn T kháng cáo yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bạch Hồng N;

Ngày 05/4/2021 nguyên đơn bà Bạch Hồng N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu về tính lãi suất; đưa bà NLC3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để cùng liên đới với ông T trả nợ cho nguyên đơn; Hoặc tạm đình chỉ xét xử vụ án chuyển cơ quan cảnh sát điều tra khởi tố vụ án “chiếm giữ, sử dụng trái phép tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu đòi bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 740.000.000 đồng, và yêu cầu đưa bà NLC3 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan cùng với ông T trả nợ cho nguyên đơn; Nguyên đơn rút yêu cầu kháng cáo đòi tiền lãi, và không đặt vấn đề yêu cầu tạm đình chỉ xét xử vụ án dân sự để chuyển cơ quan cảnh sát điều tra khởi tố vụ án.

- Bị đơn cho rằng không có vay tiền của nguyên đơn nhưng thừa nhận có nhận số tiền 740.000.000 đồng do nguyên đơn chuyển khoản, nên nay đồng ý hoàn trả lại số tiền này cho bà N.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến tại phiên tòa của bị đơn.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Việc nguyên đơn kháng cáo yêu cầu đưa bà NLC3 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan là không có cơ sở để xem xét. Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu kháng cáo đòi tiền lãi nên đề nghị đình chỉ yêu cầu kháng cáo này của nguyên đơn.

+ Đối với kháng cáo của bị đơn cho rằng không có vay tiền của nguyên đơn, tuy nhiên bị đơn thừa nhận có nhận số tiền 740.000.000 đồng mà bà N đã chuyển vào tài khoản của ông T nên buộc ông T hoàn trả lại khoản tiền này cho bà N

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Giữ y bản án sơ thẩm. Buộc bị đơn trả số tiền 740.000.000 đồng cho bà N. Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đối với yêu cầu đòi tiền lãi; Không chấp nhận việc nguyên đơn yêu cầu đưa bà NLC3 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*\* Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn bà N khởi kiện bị đơn ông T để đòi số tiền cho vay là 740.000.000 đồng; về phía bị đơn xác định có nhận được số tiền này nhưng không thừa nhận việc vay tiền của nguyên đơn; phía nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đây là hợp đồng vay tài sản nên Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đây là vụ kiện “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo quy định tại Điều 164, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người làm chứng là ông NLC1 và NLC2 có cung cấp lời khai và có yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

*\* Về nội dung:*

[2] *Xét kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn:*

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu đòi bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 740.000.000 đồng. Về phía bị đơn ông T không đồng ý có vay tiền của bà N, nhưng ông T thừa nhận có nhận số tiền trên của bà N thông qua việc

chuyển khoản nên ông đồng ý hoàn lại số tiền này cho nguyên đơn. Do đó, ghi nhận ý kiến này của bị đơn và buộc ông T hoàn trả lại số tiền trên cho nguyên đơn là có cơ sở.

Việc nguyên đơn rút lại yêu cầu kháng cáo đòi bị đơn phải trả khoản tiền lãi cho nguyên đơn, nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này của nguyên đơn;

Việc nguyên đơn không đặt ra vấn đề yêu cầu tạm đình chỉ vụ án để chuyển cơ quan cảnh sát điều tra khởi tố vụ án nên không xem xét.

Xét nguyên đơn yêu cầu đưa bà NLC3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để cùng với bị đơn trả nợ cho nguyên đơn là không có cơ sở để xem xét. Bởi lẽ, đơn khởi kiện ngày 26/5/2019 của nguyên đơn thì bà N chỉ kiện ông T; tại thời điểm ông T nhận số tiền trên thì bà NLC3 không biết, cũng như không có chứng cứ gì thể hiện việc ông T nhận số tiền trên từ bà N để sử dụng chung cho nhu cầu gia đình, không thể hiện có sự liên quan đến bà NLC3.

Từ những phân tích trên, không chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Giữ y bản án sơ thẩm. Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc đòi khoản tiền lãi đối với bị đơn.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật trên số tiền 740.000.000 đồng. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu tính lãi không được chấp nhận trên số tiền 299.700.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận toàn bộ, và kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, nên nguyên đơn và bị đơn đều phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 164, 166, 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu đưa bà NLC3 vào liên đới cùng ông Lý Văn T trả nợ cho nguyên đơn.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Giữ y bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Lý Văn T phải có trách nhiệm hoàn lại cho bà Bạch Hồng N số tiền 740.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bị đơn chậm trả đối với số tiền trên thì hàng tháng bị đơn phải chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc đòi bị đơn phải trả khoản tiền lãi cho nguyên đơn.

\* Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lý Văn T phải nộp số tiền 33.600.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự quận T, thành phố Cần Thơ.

- Bà Bạch Hồng N phải nộp số tiền 14.985.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 21.096.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/004957 ngày 06/8/2019 thì bà N được nhận lại số tiền 6.111.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Cần Thơ.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Bạch Hồng N phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004017 ngày 06/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Cần Thơ (đã nộp xong).

- Ông Lý Văn T phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004007 ngày 02/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Cần Thơ (đã nộp xong).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án này là phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND quận T;
- THA DS quận T;
- Lưu hồ sơ.

**Trương Thị Liên**